

Số: 15/VPA

Về việc góp ý dự thảo TT quản lý GVN và
sản phẩm GVN.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Kính gửi:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Chăn nuôi và Thú y,

Phúc đáp Công văn số 8730/BNNM-CNTY, ngày 04/8/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc xin ý kiến Dự thảo Thông tư quy định về quản lý giống vật nuôi và sản phẩm giống vật nuôi, Hiệp hội Gia cầm Việt Nam có ý kiến như sau:

Về cơ bản, Hiệp hội Gia cầm Việt Nam nhất trí với nội dung Dự thảo Thông tư. Nhằm mục đích hoàn thiện văn bản, Hiệp hội đề xuất một số nội dung chỉnh sửa như sau:

1. Về nội dung một số điều khoản

Điều 3: Quy định về thời hạn kiểm tra hồ sơ trực tuyến

- *Bắt cập:* Khoản 3 Điều 3 quy định đối với hồ sơ nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc môi trường điện tử, trong thời hạn **01 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận phải thông báo về tính đầy đủ, hợp lệ.

- *Hệ quả:* Thời hạn 01 ngày là quá ngắn và bất khả thi đối với các hồ sơ qua bưu chính (phụ thuộc vào thời gian phát hành văn bản hành chính) hoặc các hồ sơ điện tử có khối lượng tài liệu kỹ thuật phức tạp (như báo cáo đánh giá tác động nguồn gen, lý lịch hệ phả giống). Quy định này dễ đẩy cơ quan tiếp nhận vào thế vi phạm thời hạn hành chính.

- *Phương án sửa đổi:* Sửa đổi thời hạn tại Khoản 3 Điều 3 thành **03 ngày làm việc** đối với hồ sơ nộp qua bưu chính và **02 ngày làm việc** đối với hồ sơ qua môi trường điện tử để đảm bảo tính khả thi thực tế.

Điều 5: Trình tự, thủ tục chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen giống vật nuôi quý, hiếm...

- *Bắt cập:* Điều khoản này đang giao thẩm quyền chấp thuận trao đổi quốc tế nguồn gen quý, hiếm cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Điều này mâu thuẫn với nguyên tắc quản lý thống nhất quốc gia đối với tài nguyên di truyền cốt lõi. Việc xuất khẩu nguồn gen quý hiếm ra nước ngoài ảnh hưởng trực tiếp đến an ninh sinh học quốc gia, thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ chuyên ngành.

- *Phương án sửa đổi:* Chuyển thẩm quyền chấp thuận từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh sang Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để phù hợp với quy định của Luật Chăn nuôi và Luật Đa dạng sinh học. UBND cấp tỉnh chỉ đóng vai trò phối hợp phối kiểm, xác nhận hiện trạng nguồn gen thực tế tại địa phương thông qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 6: Trình tự, thủ tục đăng ký xuất khẩu giống vật nuôi trong Danh mục cấm xuất khẩu...

- *Bắt cập:* Khoản 1 đang giao thẩm quyền quyết định cho Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thú y đối với việc cho phép xuất khẩu sản phẩm thuộc Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, triển lãm.

Theo nguyên tắc của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và pháp luật hành chính, cấp Cục (Cơ quan thực thi) không thể có thẩm quyền ký văn bản cho phép ngoại lệ, đình chỉ hoặc phá vỡ một lệnh cấm do cấp Bộ trưởng thiết lập. Văn bản ngoại lệ đối với Danh mục cấm bắt buộc phải do Bộ trưởng ký ban hành.

- *Phương án sửa đổi:* Sửa đổi thẩm quyền quyết định tại Khoản 1 thành: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quyết định chấp thuận. Cục Chăn nuôi và Thú y đóng vai trò là cơ quan tiếp nhận hồ sơ, thành lập hội đồng chuyên môn thẩm định và lập tờ trình trình Bộ trưởng ký ban hành

Điều 7 và Điều 9: Thiếu cơ chế khuyến khích xã hội hóa trong cập nhật Danh mục bảo tồn

- *Bắt cập:* Điều 9 quy định trình tự cập nhật Danh mục giống vật nuôi cần bảo tồn định kỳ là **03 năm một lần** do Cục Chăn nuôi và Thú y rà soát. Đồng thời, dự thảo thiếu cơ chế tiếp nhận phản hồi khẩn cấp từ các hội nghề nghiệp, doanh nghiệp, trang trại chăn nuôi.

- *Hệ quả:* Trong bối cảnh biến đổi khí hậu và dịch bệnh diễn biến nhanh, chu kỳ 03 năm là quá dài, có thể khiến một số giống bản địa rơi vào trạng thái suy giảm nghiêm trọng (trên 50%) trước khi được đưa vào danh mục để có chính sách bảo tồn của Nhà nước.

- *Phương án sửa đổi:* Bổ sung cơ chế cho phép các tổ chức, cá nhân, hiệp hội gửi văn bản đề xuất cập nhật danh mục bất kỳ lúc nào khi phát hiện giống vật nuôi đáp ứng tiêu chí suy giảm tại Điều 7. Rút ngắn thời gian lập hồ sơ cập nhật định kỳ từ 03 năm xuống **02 năm một lần**.

Điều 10 và Điều 11: Sự bất hợp lý trong phân cấp công nhận dòng, giống vật nuôi mới

- *Bắt cập:* Tại Điểm a Khoản 2 Điều 10: Giao thẩm quyền cho cơ quan chuyên môn cấp tỉnh quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm dòng, giống vật nuôi. Tại Khoản 2 Điều 11: Quy định hồ sơ đề nghị Bộ trưởng công nhận giống mới phải có Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh ban hành. Văn bản tự mâu thuẫn thẩm quyền ban hành giữa cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh.

- *Hệ quả:* Giống vật nuôi khi khảo nghiệm có tính phổ quát toàn quốc. Nếu giao cho từng địa phương thành lập Hội đồng riêng để công nhận kết quả khảo nghiệm sẽ dẫn tới tình trạng bất nhất về tiêu chí đánh giá giữa các tỉnh. Hơn nữa, việc một thủ tục được chia làm 2 tầng nấc độc lập (Tỉnh công nhận khảo nghiệm - Bộ công nhận giống mới) gây gánh nặng thủ tục hành chính, kìm hãm ứng dụng công nghệ chăn nuôi mới.

- *Phương án sửa đổi:* Nếu vẫn quy định bắt buộc khảo kiểm nghiệm giống vật nuôi mới thì cần hợp nhất quy trình, theo đó giao toàn bộ thẩm quyền theo dõi khảo nghiệm và công nhận dòng, giống vật nuôi mới về một đầu mối duy nhất là Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Cục Chăn nuôi và Thú y chủ trì). Cơ quan cấp tỉnh chỉ chịu trách nhiệm hậu kiểm, phối hợp giám sát hoạt động khảo nghiệm diễn ra trên địa bàn. Bỏ thủ tục ban hành "Quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm" cấp tỉnh, thay bằng "Báo cáo giám sát kết quả khảo nghiệm" có xác nhận của Sở Nông nghiệp và MT cấp tỉnh gửi về Cục Chăn nuôi và Thú y để thẩm định một lần duy nhất.

- Để bảo đảm phù hợp với thông lệ quốc tế, nên bỏ quy định khảo nghiệm nhà nước. Vì phần lớn các quốc gia trên thế giới không quy định cơ quan Nhà nước đứng ra tổ chức khảo nghiệm hay thành lập hội đồng để phê duyệt một giống vật nuôi mới được phép sản xuất hay không. Thay vào đó, doanh nghiệp hoặc Hiệp hội tự xây dựng chương trình nhân giống của

riêng mình. Trong chương trình đó, họ bắt buộc phải tự thực hiện việc đánh giá các chỉ tiêu năng suất của dòng/giống. Thị trường sẽ quyết định con giống nào được chấp nhận. Nếu số liệu kiểm tra năng suất và hệ phả của giống tốt, người chăn nuôi sẽ tự mua giống. Nhà nước chỉ kiểm tra xem phương pháp đánh giá của doanh nghiệp có đúng chuẩn khoa học hay không khi cần thiết, chứ không can thiệp vào quyền đưa giống ra thị trường.

Điều 13: Thiếu quy định quản lý chất lượng cơ sở đào tạo thụ tinh nhân tạo

- *Bắt cập*: Điều 13 mở rộng đối tượng được đào tạo và cấp chứng chỉ cho cả các Cơ sở nghiên cứu và Trung tâm khuyến nông. Tuy nhiên, dự thảo hoàn toàn bỏ trống điều kiện tối thiểu về cơ sở vật chất (như phòng thực hành, trang thiết bị chuyên dụng, nguồn tinh/phôi thực hành) và năng lực của người đứng lớp.

- *Hệ quả*: Dẫn đến nguy cơ các trung tâm chăn nuôi thực hiện đào tạo "chui", cấp chứng chỉ tràn lan nhưng kỹ thuật viên ra nghề không đạt chuẩn, làm giảm tỷ lệ phối giống thành công trong dân cư, gây thiệt hại kinh tế.

- *Phương án sửa đổi*: Bổ sung Khoản 4 Điều 13 quy định: Các tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều này chỉ được tổ chức đào tạo khi đáp ứng đủ điều kiện về cơ sở vật chất, giáo trình và giảng viên chuyên ngành theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; trước khi đào tạo phải thông báo bằng văn bản đến Cục Chăn nuôi và Thú y để hậu kiểm.

Tại Điều 13 quy định về việc cấp *Chứng chỉ đào tạo thụ tinh nhân tạo* và *Chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật cấy truyền phôi* theo mẫu quy định tại **Mẫu số 15 Phụ lục VI**. Tuy nhiên, trong phần danh mục Phụ lục từ trang 13 trở đi, văn bản chỉ hiển thị đến Phụ lục V (Mức chất lượng giống). Dự thảo hoàn toàn thiếu vắng Phụ lục VI và Mẫu số 15 của chứng chỉ.

- *Phương án sửa đổi*: Bổ sung đầy đủ Phụ lục VI thiết kế chi tiết phôi mẫu "Chứng chỉ đào tạo thụ tinh nhân tạo" và "Chứng chỉ đào tạo kỹ thuật cấy truyền phôi" bảo đảm tính trọn vẹn của văn bản pháp lý trước khi ban hành.

2. Về nội dung một số phụ lục

Phụ lục V: Về chỉ tiêu kỹ thuật "Thời gian sử dụng" của lợn đực giống

- *Bắt cập*: Tại Mục A4 (Lợn đực phối trực tiếp - trang 36) và Mục A5 (Lợn đực khai thác tinh - trang 36), chỉ tiêu số 14 và số 20 quy định "Thời gian sử dụng" đối với giống ngoại là ≤ 3 năm tuổi, giống nội là ≤ 4 năm tuổi.

- *Hệ quả*: Dấu $\leq$ (nhỏ hơn hoặc bằng) đồng nghĩa với việc lợn đực giống cứ dưới 3 hoặc 4 năm tuổi là đạt chuẩn, còn lợn trên tuổi đó là vi phạm pháp luật nếu tiếp tục khai thác. Thực tế chăn nuôi, thời gian khai thác lợn đực giống chất lượng cao thường kéo dài và kết thúc dựa trên chất lượng tinh trùng thực tế (hoạt lực, nồng độ) chứ không thể áp lệnh cấm bằng mốc tuổi trần như vậy. Mặt khác, nếu quy định giống ngoại là ≤ 3 năm tuổi, giống nội là ≤ 4 năm tuổi cũng chưa chặt chẽ về kỹ thuật khi lợn đực chưa đủ tuổi khai thác tinh.

- *Phương án sửa đổi*: Sửa đổi dấu $\leq$ thành dấu $\geq$ (quy định thời gian khai thác tối thiểu để đảm bảo khấu hao chi phí dòng giống cụ kỵ, ông bà) hoặc loại bỏ hoàn toàn chỉ tiêu "Thời gian sử dụng" theo số năm tuổi, thay bằng việc kiểm soát chất lượng tinh trùng thực tế tại hiện trường.

Phụ lục III

- *Bắt cập*: Giống gà cầm xuất khẩu - trang 22 quy định cầm xuất khẩu giống Gà Hồ. Tuy nhiên, tại Phụ lục V (Mức chất lượng giống - trang 39), giống Gà Hồ lại được xếp vào Nhóm 5 của Gà nội dòng thuần, cấp ông bà.

- *Hệ quả*: Gà giống cấp ông bà/dòng thuần là đối tượng được khuyến khích nhân giống thương mại và trao đổi quốc tế để phát triển dòng mới. Việc vừa xếp Gà Hồ vào diện cấm xuất khẩu tuyệt đối, vừa đưa vào bảng định mức thương mại dòng thuần hướng thịt cấp cụ kỵ/ông bà là mâu thuẫn về mục tiêu quản lý.

- *Phương án sửa*: Tách hẳn các giống thuộc danh mục bảo tồn/cấm xuất khẩu (như Gà Hồ, lợn Ỉ) ra khỏi bảng mức chất lượng thương mại. Xây dựng một mục riêng quy định tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ mục đích "lưu giữ nguồn gen" thay vì áp tiêu chuẩn năng suất thương mại.

Tại Mục B1 và B4

- *Bất cập*: Gà dòng thuần/ông bà - trang 38 và Mục B4 (Gà cấp bố mẹ - trang 40), chỉ tiêu số 28 và 42 về *Khối lượng 8 tuần tuổi* của Gà nội Nhóm 1 (gồm giống gà Ác, gà Tre...) quy định: Con trống: 0,3 - 0,9 kg; Con mái: 0,2 - 0,7 kg

- *Hệ quả*: Khoảng biên độ khối lượng quá rộng (gấp gần 3-4 lần giữa mức sàn và mức trần). Một con gà Tre hoặc gà Ác thuần chủng 8 tuần tuổi không bao giờ có thể nặng tới 0,9 kg (gần bằng khối lượng gà trưởng thành). Quy định biên độ lỏng lẻo này khiến chỉ tiêu chất lượng giống trở nên vô nghĩa, không có giá trị phân loại giống chuẩn.

- *Phương án sửa*: Chia nhỏ biên độ hoặc quy định chi tiết cho từng giống đặc thù trong nhóm (ví dụ: tách gà Tre riêng, gà Ác riêng) với khoảng biên độ khối lượng không quá 0,2 kg ở giai đoạn 8 tuần tuổi.

Bảng I và Bảng II

- *Bất cập*: Nếu đối chiếu toàn bộ bảng I. Đối với gà giống dòng thuần, cấp ông bà (trang 38-39) và bảng II. Đối với gà giống cấp bố mẹ (trang 40), số liệu của các chỉ tiêu sau đây bị sao chép y nguyên giống nhau đến từng chữ số:

+ *Tỷ lệ nuôi sống giai đoạn gà con (Chỉ tiêu 27 giống 41)*: Điều ghi Nhóm 2 là 86%, các nhóm khác 95%.

+ *Khối lượng 8 tuần tuổi (Chỉ tiêu 28 giống 42)*: Trồng và mái của tất cả các nhóm trùng khớp nhau hoàn toàn (Ví dụ: Nhóm 1 trống 0,3-0,9kg; mái 0,2-0,7kg).

+ *Tiêu tốn thức ăn giai đoạn gà con (Chỉ tiêu 29 giống 43)*: Giống nhau tuyệt đối ở cả 8 cột phân loại gà.

+ *Thời gian nuôi hậu bị, Tỷ lệ nuôi sống hậu bị và Tiêu tốn thức ăn hậu bị (Chỉ tiêu 30, 31, 33 giống 44, 45, 47)*: Trùng lặp hoàn toàn.

- *Bất cập*: Gà cấp bố mẹ thường là gà lai (ví dụ lai giữa các dòng thuần trống mái khác nhau) nên có ưu thế lai rõ rệt. Gà cấp bố mẹ luôn có tốc độ sinh trưởng nhanh hơn, sức sống (tỷ lệ nuôi sống) cao hơn và tiêu tốn thức ăn tốt hơn gà dòng thuần/ông bà. Việc cào bằng số liệu 100% chứng tỏ phụ lục này chỉ được nhân bản số liệu bằng kỹ thuật "sao chép - dán" mà không qua tính toán chuyên môn.

- *Phương án sửa*: Điều chỉnh các chỉ tiêu của gà cấp bố mẹ theo hướng ưu việt hơn cấp ông bà từ 3% - 5% (Ví dụ: Tăng tỷ lệ nuôi sống gà con Nhóm 2 cấp bố mẹ lên 90%; hạ định mức FCR gà con cấp bố mẹ xuống).

Về chỉ tiêu "Tỷ lệ nuôi sống gà con Nhóm 2"

- *Bất cập*: Dự thảo áp tiêu chuẩn *Tỷ lệ nuôi sống giai đoạn gà con (0-8 tuần tuổi)* của Nhóm 2 (gà Thái Hòa, Hắc Phong...) là 86%, trong khi các nhóm gà nội khác đều là 95%.

Trong thực tiễn sản xuất các giống gà xương đen, gà ác v.v...(Nhóm 2) ngày nay đã được thuần hóa và quy trình dịch bệnh kiểm soát rất tốt. Tỷ lệ nuôi sống thực tế tại các trang trại

luôn đạt từ 92% - 96%. Việc đưa ra mức sàn quá thấp 86% vô tình hạ thấp chất lượng con giống quốc gia, khuyến khích các cơ sở giống làm ăn yếu kém, để hao hụt đàn lớn vẫn được coi là "đạt chuẩn chất lượng".

- *Phương án sửa:* Điều chỉnh tỷ lệ nuôi sống giai đoạn gà con của Nhóm 2 lên ít nhất 92%.

Về chỉ tiêu của Gà nội Nhóm 5

- *Bắt cập:* Hãy xem xét kỹ hai chỉ tiêu của Gà nội Nhóm 5 (Đông Tảo, Hồ, Chọi): *Khối lượng 8 tuần tuổi (Chỉ tiêu 28.1 & 42.1):* Con trống quy định từ 0,8 - 1,7 kg. *Khối lượng khi kết thúc hậu bị (Chỉ tiêu 32.1 & 46.1):* Con trống quy định từ 1,8 - 3,3 kg.

Thời gian nuôi hậu bị của Nhóm 5 được quy định là từ 15 đến 23 tuần (tức là kéo dài thêm từ 7 đến 15 tuần nữa so với giai đoạn gà con). Nếu một con gà trống Đông Tảo đạt mốc tối đa ở 8 tuần tuổi là 1,7 kg, thì sau hơn 3 tháng nuôi hậu bị tiếp theo, nó không thể chỉ nặng 1,8 kg (chỉ tăng vồn vẹn 0,1 kg trong 15 tuần). Khoảng biên độ này chồng chéo lên nhau và tạo ra các cá thể sinh trưởng dị dạng trên giấy tờ.

- *Phương án sửa:* Chính lý lại mốc khối lượng kết thúc hậu bị của con trống Nhóm 5 thành 2,5 - 3,5 kg để phù hợp với tốc độ phát triển sinh lý thực tế.

Tại Bảng III

- *Bắt cập:* Đối với vịt giống (trang 41), khi so sánh cột vịt hướng trứng (Dòng thuần, cấp ông bà) và cột vịt hướng trứng (Cấp bố mẹ), các số liệu từ chỉ tiêu 55 đến chỉ tiêu 61, và từ chỉ tiêu 64 đến chỉ tiêu 69 là trùng khớp 100%. Điều tương tự cũng xảy ra đối với các cột của vịt kiêm dụng.

- *Phương án sửa:* Tách biệt rõ chỉ tiêu kỹ thuật. Đàn bố mẹ phải có định mức năng suất (như khối lượng cơ thể, FCR) ưu việt hơn đàn ông bà từ 2% - 4%.

Trên đây là một số góp ý của Hiệp hội Gia cầm Việt Nam về dự thảo Thông tư quản lý giống vật nuôi, sản phẩm chăn nuôi.

Kính đề Ban soạn thảo (Cục Chăn nuôi và Thú y) nghiên cứu sửa đổi, bổ sung dự thảo để Thông tư bảo đảm tính khoa học và thực tiễn hơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ HIỆP HỘI



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Sơn

VIẾT